



Tạp chí

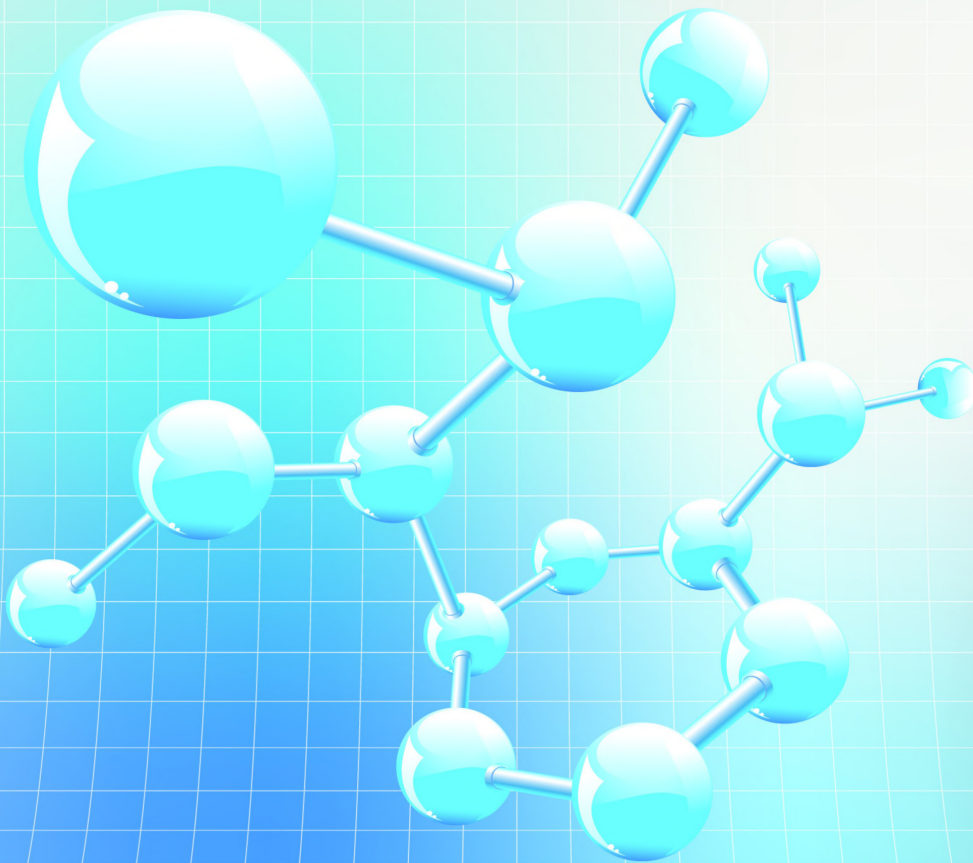
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



Số 2 (89)

2025

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đĩnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đĩnh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Trương Thị Thủy

Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Thị Bất

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngô Sỹ Lương

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Phạm Hoàng Hải

Assoc.Prof.Dr. Đoàn Ngọc Hải

Assoc.Prof.Dr. Nguyễn Ngọc Hà

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyễn Văn Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/> Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- Dự báo tình trạng sức khỏe của pin lithium (SOH) dựa trên mô hình hình tự hồi quy phi tuyến tính có đầu vào ngoại sinh 5 Phạm Thành Long
Võ Duy Thành
Nguyễn Bảo Huy
Trần Hoài Linh
- Mô hình trên máy tính bộ biến đổi hòa hợp tải DC-DC 11 Phạm Công Tảo
Phạm Thi Hoan
- Thiết kế thiết bị đo thông số môi trường sử dụng mạch nhúng ARM và truyền thông LoRa để ứng dụng trong nông nghiệp 19 Trần Thị Phương Thảo
Đỗ Văn Đình
- Nghiên cứu động lực học và trạng thái cơ học của sàng rung sử dụng phương pháp phần tử biên 27 Nguyễn Thị Phương Oanh
Nguyễn Thị Sim
Vũ Trí Võ

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- Nghiên cứu ảnh hưởng của vật liệu đến chất lượng bề mặt khi miết ép dao động 34 Nguyễn Văn Hình
Nguyễn Đức Hải
Đào Văn Kiên
- Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ chày và góc nghiêng thành khuôn đến chất lượng sản phẩm trong quá trình dập đa điểm phôi tấm 40 Trần Hải Đăng
Nguyễn Hữu Chấn
Trần Văn Diện
Nguyễn Thị Thu
- Nghiên cứu ảnh hưởng số đường may chần bông, khối lượng tấm bông và số lớp bông đến độ co áo jacket 45 Nguyễn Thị Hiền
Phạm Thị Kim Phúc
Đỗ Thị Làn
Nguyễn Văn Đoàn
- Nghiên cứu ảnh hưởng của một số thông số công nghệ cơ bản đến độ co hình thêu vi tính trên vải Pe/Co 51 Nguyễn Quang Thoại

NGÀNH KINH TẾ

- Giải pháp Marketing nhằm phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương 59 Vũ Thị Hương
Nguyễn Thị Huệ
Nguyễn Thị Thủy
- Giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường Đại học Sao Đỏ 65 Ngô Thị Luyện
Nguyễn Thị Ngọc Mai

NGÀNH KINH TẾ

- Kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp 71 Đinh Thị Kim Thiết
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với hoạt động du lịch lễ hội tỉnh Hải Dương 77 Nguyễn Thị Huệ

NGÀNH HÓA HỌC - THỰC PHẨM

- Nghiên cứu tính chất cấu trúc của các cluster $[Mo_6X_{14}]$ ($X = F, Cl, Br, I$) ở 22 EM và năng lượng ion hóa thứ 2 của các cluster $[Mo_6X_{14}]^{2-}$ bằng phương pháp phiếm hàm mật độ 82 Phạm Thị Điệp

NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC

- Sử dụng trích đoạn phim trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của học sinh sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học 98 Phạm Thị Hồng Trang
- Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 94 Tăng Thị Hồng Minh
Trần Thị Mai Hương
Đặng Thị Thanh

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay 101 Nguyễn Thị Hiền
Trần Thị Hồng Nhung
Nguyễn Mạnh Tường
- Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực số cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số 107 Nguyễn Thị Nhan
- Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 112 Đỗ Thị Thùy
Phạm Xuân Đức
Nguyễn Thị Hải Hà
- Giá trị thời đại của tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng ta trong công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng Đảng hiện nay 118 Phạm Văn Dự
Vũ Hồng Phong

NGÀNH VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT - THỂ DỤC THỂ THAO

- Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyền hơi nữ sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ 124 Hà Đình Soát
Vũ Tiến Hiếu

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- Prediction of Lithium battery State of Health (SOH) based on a nonlinear autoregressive exogenous model 5 Pham Thanh Long
Vo Duy Thanh
Nguyen Bao Huy
Tran Hoai Linh
- Computer model of the DC-DC matching converter 11 Pham Cong Tao
Pham Thi Hoan
- Designing environment parameter measurement device for agricultural applications using embedded ARM and LoRa communication technology 19 Tran Thi Phuong Thao
Do Van Dinh
- Dynamic and structural analysis of a vibrating sieve using the boundary element method 27 Nguyen Thi Phuong Oanh
Nguyen Thi Sim
Vu Tri Vo

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- Research on the influence of materials on surface quality in oscillating smoothing process 34 Nguyen Van Hinh
Nguyen Duc Hai
Dao Van Kien
- Effect of punching speed and die wall bevel angle on product quality during incremental sheet forming process 40 Tran Hai Dang
Nguyen Huu Chan
Tran Van Dien
Nguyen Thi Thu
- Research on the influence of number of quilted seams, quilted weight and number of quilted layers on jacket shrinkage 45 Nguyen Thi Hien
Pham Thi Kim Phuc
Do Thi Lan
Nguyen Van Doan
- The influence of some embroidery technology factors on the shrinkage of PE/CO fabric when embroidering on computerized machines 51 Nguyen Quang Thoai

TITLE FOR ECONOMICS

- Local Marketing solutions to develop rural tourism in Hai Duong province 59 Vu Thi Huong
Nguyen Thi Hue
Nguyen Thi Thuy
- The communication solutions to enhance the effectiveness of enrollment work at Sao Do University 65 Ngo Thi Luyen
Nguyen Thi Ngoc Mai

TITLE FOR ECONOMICS

- Environmental cost and social cost accounting at FDI enterprises in Hai Duong province: Current situation and solutions 71 Dinh Thi Kim Thiet
- Factors affecting the satisfaction of domestic tourists with the festival tourism activities in Hai Duong province 77 Nguyen Thi Hue

TITLE FOR CHEMISTRY - FOOD

- Study of the structural properties of clusters $[Mo_6X_{14}]$ ($X = F, Cl, Br, I$) at 22 EM and the second ionization energy of clusters $[Mo_6X_{14}]^{2-}$ by the density functional method 82 Pham Thi Diep

TITLE FOR EDUCATION SCIENCE

- Using movie clips to improve the Chinese speaking skills of students in higher education institutions 88 Pham Thi Hong Trang
- Research and application of active teaching methods in teaching basic English course for students at Sao Do University 94 Tang Thi Hong Minh
Tran Thi Mai Huong
Dang Thi Thanh

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- Educating traditional moral values of the nation for students at Sao Do University today 101 Nguyen Thi Hien
Tran Thi Hong Nhung
Nguyen Manh Tuong
- Proposing solutions to improve digital capacity for lecturers in the context of digital transformation 107 Nguyen Thi Nhan
- Research and apply philosophical ideas in Nguyen Du's The Tale of Kieu in teaching the Marxist-Leninist philosophy module for students at Sao Do University 112 Do Thi Thuy
Pham Xuan Duc
Nguyen Thi Hai Ha
- The contemporary value of the work "Improving revolutionary morality, wiping out individualism" by President Ho Chi Minh and its application by our Party in the current struggle against individualism and party building 118 Pham Van Du
Vu Hong Phong

TITLE FOR CULTURE - ALGORITHMS - SPORTS

- Research and application of supplementary exercises to enhance the performance of the female volleyball team of Sao Do University students 124 Ha Dinh Soat
Vu Tien Hieu

Kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp

Environmental cost and social cost accounting at FDI enterprises in Hai Duong province: Current situation and solutions

Đinh Thị Kim Thiết

Tác giả liên hệ: duongkhanh2010@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 21/3/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 26/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 02/6/2025

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại một số doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn doanh nghiệp chưa tổ chức hạch toán riêng biệt, thiếu hệ thống tài khoản và báo cáo phù hợp, dẫn đến thông tin chưa đầy đủ, minh bạch. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp hoàn thiện như: Hoàn thiện cơ chế chính sách và chuẩn mực kế toán liên quan; Nâng cao nhận thức và năng lực của kế toán viên; Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm kế toán quản trị; Tăng cường lập báo cáo và công bố thông tin chi phí môi trường - xã hội; Tăng cường giám sát, kiểm tra,... Những giải pháp này góp phần hỗ trợ doanh nghiệp FDI phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả quản trị hướng tới mục tiêu hình thành mô hình “ba chân của doanh nghiệp hiện đại”.

Từ khóa: Kế toán chi phí môi trường; kế toán chi phí xã hội; FDI.

Abstracts

The article studies the current situation of environmental and social cost accounting at some FDI enterprises in Hai Duong province. The survey results show that most enterprises have not organized separate accounting, lack appropriate accounting and reporting systems, leading to incomplete and unclear information. On that basis, the article proposes solutions for improvement such as: Completing the policy mechanism and related accounting standards; Raising awareness and capacity of accountants; Applying information technology and management accounting software; Strengthening the preparation of reports and disclosure of environmental and social cost information; Strengthening supervision and inspection,... These solutions contribute to supporting FDI enterprises to develop sustainably and improve management efficiency towards the goal of forming a “three-legged model of a modern enterprise”.

Keywords: Environmental cost accounting; social cost accounting; FDI.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là tại các tỉnh công nghiệp như Hải Dương. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích kinh tế mà các doanh nghiệp FDI mang lại, vấn đề chi phí môi trường và chi phí xã hội đang trở thành mối quan tâm lớn đối với các nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý cũng như chính các doanh nghiệp.

Chi phí môi trường là những khoản chi phí mà DN bỏ ra nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm chi phí xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng, cải thiện công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường. Trong khi đó, chi phí xã hội liên quan đến các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, nâng cao đời sống người lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Dù đã có nhiều chính sách khuyến khích, nhưng việc ghi nhận, đo lường và báo cáo các chi phí này trong hệ thống kế toán vẫn còn nhiều hạn chế tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Việc nghiên cứu kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI không chỉ giúp đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch tài chính, tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp đối với phát triển bền vững. Đồng thời, nghiên cứu này cũng đề xuất các giải pháp phù

Người phản biện: 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. TS. Vũ Văn Đông

hợp để cải thiện công tác kế toán các chi phí này, từ đó giúp doanh nghiệp phát triển bền vững và tạo ra giá trị lâu dài cho xã hội.

Nghiên cứu tập trung vào việc phân tích thực trạng kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương, thông qua việc thu thập số liệu, đánh giá các phương pháp kế toán hiện hành và so sánh với các chuẩn mực quốc tế. Từ đó, nghiên cứu sẽ đưa ra những đề xuất cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả kế toán và quản lý các khoản chi phí này, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh và bền vững tại Hải Dương.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ CHI PHÍ XÃ HỘI

2.1. Kế toán chi phí môi trường

Kế toán chi phí môi trường (Environmental Cost Accounting - ECA) là một bộ phận quan trọng trong kế toán quản trị, giúp doanh nghiệp nhận diện, đo lường và kiểm soát các chi phí liên quan đến tác động môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh (Schaltegger & Burritt, 2010). Theo nghiên cứu của Burritt và Schaltegger (2014), kế toán chi phí môi trường bao gồm các khoản chi phí như:

- Chi phí phòng ngừa ô nhiễm: Bao gồm chi phí đầu tư vào công nghệ sạch, hệ thống xử lý chất thải.
- Chi phí xử lý ô nhiễm: Bao gồm chi phí thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải.
- Chi phí tuân thủ quy định: Bao gồm các khoản chi để đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế và trong nước.
- Chi phí thất thoát môi trường: Bao gồm thiệt hại từ sự cố môi trường, chi phí bồi thường.

Kế toán chi phí môi trường giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý, tăng cường minh bạch tài chính và cải thiện hình ảnh thương hiệu [2]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc áp dụng kế toán chi phí môi trường còn chưa phổ biến và thiếu hệ thống hướng dẫn cụ thể.

2.2. Kế toán chi phí xã hội

Kế toán chi phí xã hội (Social Cost Accounting - SCA) là một công cụ kế toán hiện đại được sử dụng nhằm đo lường, ghi nhận và báo cáo các chi phí mà doanh nghiệp phát sinh trong quá trình thực hiện trách nhiệm xã hội đối với các bên liên quan và cộng đồng. Theo định nghĩa của Gray et al. (2002), kế toán chi phí xã hội không chỉ giúp phản ánh tác động xã hội của doanh nghiệp mà còn là cơ sở để lượng hóa và minh bạch hóa các khoản chi phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, lý thuyết về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được Carroll (1991) xây dựng cũng chỉ ra rằng trách nhiệm xã hội bao gồm bốn khía cạnh cơ bản:

- (1) Trách nhiệm kinh tế - đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận;
- (2) Trách nhiệm pháp lý - tuân thủ luật pháp;
- (3) Trách nhiệm đạo đức - hành động đúng đắn vượt trên yêu cầu pháp lý;
- (4) Trách nhiệm nhân văn - đóng góp thiện chí cho xã hội [1], [7].

Từ các khía cạnh này, kế toán chi phí xã hội được chia thành một số loại chính:

- Chi phí cho nhân viên, bao gồm các khoản chi về đào tạo, bảo hiểm y tế, chính sách phúc lợi, an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Chi phí cho cộng đồng, như tài trợ giáo dục, y tế, các hoạt động từ thiện, hỗ trợ người dân địa phương và các chương trình phát triển cộng đồng.
- Chi phí bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm các chi phí liên quan đến kiểm soát chất lượng, đảm bảo an toàn sản phẩm, minh bạch thông tin và bảo hành.
- Chi phí bảo vệ môi trường, liên quan đến việc giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, đầu tư công nghệ sạch, cải tạo hệ sinh thái và thực hiện trách nhiệm sinh thái đối với xã hội.

Theo nhiều nghiên cứu quốc tế (Orlitzky et al., 2003; Gray et al., 2001), việc áp dụng kế toán chi phí xã hội một cách bài bản và có hệ thống không những góp phần khẳng định vai trò xã hội của doanh nghiệp mà còn giúp nâng cao uy tín thương hiệu, xây dựng niềm tin nơi khách hàng, thu hút nhà đầu tư và gia tăng lợi thế cạnh tranh bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, khi các nhà đầu tư và đối tác ngày càng quan tâm đến tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị), việc minh bạch chi phí xã hội trở thành một yêu cầu chiến lược [6].

Tại Việt Nam, khái niệm và thực hành kế toán chi phí xã hội vẫn còn tương đối mới mẻ. Thực tế cho thấy lĩnh vực này chủ yếu được thực hiện ở một số doanh nghiệp lớn và đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), vốn phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo tiêu chuẩn quốc tế. Trong khi đó, phần lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) vẫn chưa quan tâm hoặc chưa đủ năng lực tổ chức hệ thống kế toán để phản ánh chi phí xã hội một cách đầy đủ, rõ ràng và khoa học. Điều này phần nào xuất phát từ hạn chế về nhận thức, chính sách khuyến khích chưa rõ ràng, và thiếu hướng dẫn cụ thể từ phía các cơ quan quản lý nhà nước.

3. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ CHI PHÍ XÃ HỘI TẠI CÁC DOANH NGHIỆP FDI Ở HẢI DƯƠNG

3.1. Mức độ ghi nhận và hạch toán chi phí môi trường, chi phí xã hội

Từ kết quả khảo sát 50 doanh nghiệp FDI, ngẫu nhiên

hoạt động tại tỉnh Hải Dương Bảng 1, nghiên cứu cho thấy việc ghi nhận chi phí môi trường và chi phí xã hội vẫn còn nhiều bất cập và chưa thống nhất, thể

hiện sự thiếu đồng bộ trong nhận thức cũng như trong thực hành kế toán giữa các ngành và các nhóm doanh nghiệp khác nhau.

Bảng 1. Tình hình ghi nhận chi phí môi trường và chi phí xã hội của các doanh nghiệp FDI tỉnh Hải Dương

Ngành nghề	Số DN khảo sát	Có hạch toán riêng chi phí môi trường	Gộp vào chi phí SX chung	Ghi nhận chi phí xã hội (phúc lợi/ CSR)	Không ghi nhận chi phí xã hội (chỉ ghi báo cáo nội bộ)
Chế tạo linh kiện điện tử	6	2	5	6	3
Sản xuất ô tô, xe máy	4	3	3	4	2
Cơ khí, gia công kim loại	5	1	5	5	2
Sản xuất nhựa, cao su	5	2	4	5	2
Dệt may, da giày	10	1	4	10	1
Sản xuất thực phẩm, đồ uống	8	3	3	8	1
Hóa chất, vật liệu xây dựng	6	2	3	6	3
Tổng cộng	50	14	27	50	14

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Về chi phí môi trường:

Số liệu khảo sát cho thấy chỉ có 14/50 doanh nghiệp (tương đương 28%) có hạch toán riêng biệt các khoản chi phí môi trường. Nhóm doanh nghiệp này chủ yếu hoạt động trong các ngành sản xuất ô tô, thực phẩm - đồ uống và hóa chất - vật liệu xây dựng. Đây là các ngành có mức độ tác động đến môi trường cao, chịu sự giám sát nghiêm ngặt của các cơ quan chức năng cũng như áp lực từ dư luận và các tổ chức bảo vệ môi trường. Đặc biệt, những doanh nghiệp có công ty mẹ tại Nhật Bản, Hàn Quốc hoặc châu Âu thường tuân thủ hệ thống kế toán rõ ràng và chi tiết hơn. Các doanh nghiệp này được hướng dẫn cụ thể từ tập đoàn mẹ trong việc phân loại và ghi nhận chi phí môi trường như: xử lý nước thải, khí thải, thu gom và xử lý rác thải công nghiệp, chi phí kiểm định môi trường định kỳ, đầu tư thiết bị công nghệ xanh,...

Ngược lại, phần lớn các doanh nghiệp FDI (27/50 DN, chiếm 54%) hiện nay vẫn đang gộp các khoản chi phí môi trường vào chi phí sản xuất chung. Đây là thực trạng phổ biến trong các ngành chế tạo linh kiện điện tử, cơ khí gia công kim loại, dệt may - da giày và nhựa - cao su. Các khoản chi như mua sắm đồ bảo hộ, chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải, chi phí đào tạo nhân viên về môi trường,... thường không được tách biệt mà gộp chung vào tài khoản chi phí sản xuất hoặc chi phí quản lý. Nguyên nhân chủ yếu là do chế độ kế toán hiện hành tại Việt Nam chưa có quy định cụ thể về tài khoản chi tiết dành riêng cho chi phí môi trường, đồng thời chưa có hướng dẫn rõ ràng về việc tách bạch các khoản chi này trong hệ thống tài khoản và báo cáo tài chính. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp còn cho rằng chi phí môi trường là chi phí bắt buộc, không tạo ra giá trị gia tăng nên không cần thiết phải tách riêng để theo dõi và báo cáo.

Về chi phí xã hội:

Đối với chi phí xã hội, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp ghi nhận chi phí này trong sổ sách kế toán và báo cáo tài chính chính thức cao hơn so với chi phí môi trường. Cụ thể, có 29/50 doanh nghiệp (58%) đã phản ánh chi phí xã hội dưới các hình thức như chi phí phúc lợi, trách nhiệm xã hội (CSR), chi phí khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm bổ sung, hỗ trợ nhà ở, chăm lo đời sống công nhân,... Các khoản chi này thường được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp hoặc chi phí nhân sự tùy theo cách tổ chức bộ máy kế toán của từng doanh nghiệp. Việc ghi nhận chi phí xã hội được thực hiện tốt hơn ở các doanh nghiệp lớn, có hệ thống quản lý hiện đại hoặc chịu ảnh hưởng của chính sách CSR từ công ty mẹ nước ngoài.

Tuy nhiên, vẫn có 14/50 doanh nghiệp (28%) chỉ phản ánh các khoản chi phí xã hội này trong báo cáo nội bộ hoặc các báo cáo quản trị phi tài chính, không ghi nhận vào sổ kế toán chính thức. Những khoản chi này bao gồm tài trợ địa phương, hỗ trợ lễ tết, hoạt động đoàn thể, hoạt động thiện nguyện hoặc đóng góp vào các quỹ cộng đồng. Nguyên nhân là do các khoản chi này không có đầy đủ chứng từ hợp lệ, không có hóa đơn tài chính, hoặc được xem là các khoản "tự nguyện", không bắt buộc ghi nhận. Một số doanh nghiệp còn cho rằng việc ghi nhận các khoản chi như vậy vào sổ kế toán có thể làm tăng chi phí hợp lý và ảnh hưởng đến kết quả tài chính, đặc biệt khi họ phải giải trình với công ty mẹ hoặc cổ đông.

Từ những số liệu trên có thể thấy rằng, thực trạng ghi nhận chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương còn thiếu đồng bộ, chưa nhất quán và chưa tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc kế toán minh bạch. Việc chi phí môi trường

chủ yếu được gộp vào chi phí sản xuất chung khiến cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí cho bảo vệ môi trường trở nên khó khăn, ảnh hưởng đến việc đo lường hiệu quả tài chính - xã hội - môi trường của doanh nghiệp. Trong khi đó, việc ghi nhận chi phí xã hội chủ yếu dưới dạng CSR nội bộ hoặc ngoài sổ sách cũng gây ra những lo ngại về tính minh bạch, làm giảm tính đáng tin cậy của thông tin tài chính doanh nghiệp. Dự phòng cho xử lý môi trường (Ví dụ: Khắc phục sự cố, cải tạo sau vận hành) không được ghi nhận đúng cách, chủ yếu do thiếu hướng dẫn cụ thể trong chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chi phí môi trường - xã hội thường không được phân bổ theo đối tượng cụ thể, gây khó khăn trong đánh giá hiệu quả, kiểm soát nội bộ. Nhân sự kế toán chủ yếu tập trung vào kế toán tài chính, chưa được đào tạo bài bản về IFRS, GRI, hay kế toán phát triển bền vững

Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng này đến từ:

- Hệ thống chế độ kế toán hiện hành tại Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể và đầy đủ về ghi nhận, phân loại chi phí môi trường và xã hội.
- Thiếu tài khoản kế toán riêng và quy trình kiểm toán đối với các khoản chi phí phi tài chính.
- Nhận thức của một số doanh nghiệp về vai trò của chi phí môi trường - xã hội còn hạn chế.
- Áp lực tối ưu hóa lợi nhuận khiến một số doanh nghiệp lựa chọn cách ghi nhận không đầy đủ để giảm chi phí ghi nhận chính thức.

3.2. Cơ cấu và phân bổ chi phí môi trường, chi phí xã hội

Qua khảo sát 50 doanh nghiệp FDI tại Hải Dương, tỷ trọng chi phí môi trường và chi phí xã hội ở các doanh nghiệp là khác nhau và phụ thuộc nhiều vào lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp Bảng 2.

Bảng 2. Tổng quan tỷ trọng chi phí môi trường và chi phí xã hội

Ngành sản xuất	Tỷ trọng chi phí môi trường (%)	Tỷ trọng chi phí xã hội (%)
Chế tạo linh kiện điện tử	1,2%	0,8%
Sản xuất ô tô, xe máy	3,5%	2,1%
Cơ khí, gia công kim loại	2,4%	1,5%
Sản xuất nhựa, cao su	4,1%	1,2%
Dệt may, da giày	2,8%	2,6%
Sản xuất thực phẩm, đồ uống	3,2%	3,8%
Hóa chất, vật liệu xây dựng	5,5%	2,3%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Đối với chi phí môi trường, mức phân bổ không đồng đều giữa các ngành:

Nhóm ngành có tỷ trọng cao: Hóa chất, vật liệu xây dựng (5,5%) và sản xuất nhựa, cao su (4,1%). Đây là những ngành có đặc thù sử dụng nguyên vật liệu gây tác động mạnh đến môi trường và chịu áp lực từ quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế. Tỷ trọng cao phản ánh sự đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải, lọc khí, công nghệ xanh và cải tiến dây chuyền sản xuất.

Nhóm ngành trung bình: Thực phẩm, đồ uống (3,2%) và ô tô, xe máy (3,5%) cũng thể hiện mức độ chú trọng đáng kể. Nhóm này chịu ảnh hưởng từ cả yêu cầu an toàn sản phẩm và cam kết phát triển bền vững, đặc biệt nếu doanh nghiệp có chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nhóm ngành có tỷ trọng thấp: Chế tạo linh kiện điện tử (1,2%) có tỷ trọng thấp nhất. Nguyên nhân có thể do phần lớn chi phí môi trường được "ẩn" trong các giai đoạn đầu tư ban đầu (như xây dựng nhà xưởng kín, hệ thống kiểm soát bụi tĩnh điện,...) và thiếu minh bạch trong phân bổ chi phí môi trường ở hệ thống kế toán nội bộ.

Đối với chi phí xã hội, mức phân bổ tương đối đều, nhưng cũng thể hiện những đặc trưng ngành rõ rệt:

Thực phẩm, đồ uống (3,8%) và dệt may, da giày (2,6%) là hai ngành dẫn đầu. Điều này có thể lý giải bởi các ngành này sử dụng nhiều lao động phổ thông và phải đáp ứng tiêu chuẩn CSR nghiêm ngặt từ các đối tác quốc tế (như các nhãn hàng lớn ở châu Âu, Mỹ, Nhật Bản). Doanh nghiệp thường xuyên tổ chức đào tạo, cải thiện điều kiện làm việc, hỗ trợ cộng đồng địa phương (tài trợ, khám sức khỏe, từ thiện).

Ô tô, xe máy (2,1%) và hóa chất, vật liệu xây dựng (2,3%) cũng có tỷ trọng cao, phản ánh áp lực từ công ty mẹ đa quốc gia và nhu cầu thu hút lao động chất lượng cao trong môi trường cạnh tranh.

Chế tạo linh kiện điện tử (0,8%) là ngành có tỷ trọng thấp nhất. Đây là dấu hiệu cho thấy các doanh nghiệp trong ngành này vẫn đang xem nhẹ yếu tố xã hội, tập trung chủ yếu vào yếu tố công nghệ, năng suất và giá thành thay vì đầu tư cho phúc lợi nhân viên và cộng đồng.

Có thể thấy sự mất cân đối giữa chi phí môi trường và xã hội cho thấy nhiều doanh nghiệp FDI vẫn ưu tiên đáp ứng các yêu cầu pháp lý về môi trường hơn là tự nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội. Việc thiếu chuẩn mực kế toán riêng biệt cho từng loại chi phí khiến việc phân bổ và ghi nhận chưa phản ánh đúng bản chất chi phí. Nhiều doanh nghiệp hạch toán gộp các khoản mục chi phí môi trường vào chi phí sản xuất chung, hoặc không báo cáo minh bạch chi phí xã hội. Doanh nghiệp có vốn từ châu Âu, Nhật Bản có xu hướng ghi nhận chi phí xã hội cao hơn, trong khi doanh nghiệp có nguồn vốn từ Trung Quốc, Hàn Quốc thường chỉ tập trung vào các yếu tố môi trường mang tính bắt buộc, ít chú trọng các khoản chi cho cộng đồng. Nguyên nhân

do các doanh nghiệp tập trung vào yêu cầu pháp lý bắt buộc, nhiều doanh nghiệp FDI tại Việt Nam ưu tiên đáp ứng các quy định pháp luật về môi trường để tránh bị xử phạt, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Việc thực hiện trách nhiệm xã hội không phải lúc nào cũng tạo ra lợi ích tài chính trực tiếp hoặc thấy ngay, khiến các doanh nghiệp ít mặn mà đầu tư vào các hoạt động xã hội như hỗ trợ cộng đồng, cải thiện phúc lợi cho người lao động,... Các doanh nghiệp đến từ châu Âu và Nhật Bản thường có truyền thống và văn hóa doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững, chú trọng hình ảnh và trách nhiệm xã hội. Ngược lại, các doanh nghiệp đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc có xu hướng coi trọng hiệu quả chi phí và tuân thủ pháp lý tối thiểu, dẫn đến sự khác biệt trong phân bổ chi phí xã hội. Bên cạnh đó, kế toán Việt Nam chưa có quy định cụ thể về việc nhận diện, phân loại và hạch toán riêng rẽ các khoản chi phí môi trường và xã hội dẫn đến gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc ghi nhận chính xác và minh bạch. Nhiều doanh nghiệp đưa các khoản chi môi trường vào chi phí sản xuất chung hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp, khiến việc theo dõi, đánh giá và so sánh chi phí môi trường - xã hội không khả thi. Ngoài ra, việc thiếu hướng dẫn chi tiết từ cơ quan quản lý, các hướng dẫn không rõ ràng về việc trình bày các chi phí này trên báo cáo tài chính cũng làm giảm tính minh bạch và khả năng giám sát từ bên ngoài.

4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ CHI PHÍ XÃ HỘI TẠI CÁC DOANH NGHIỆP FDI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

Từ kết quả khảo sát thực tế tại 50 doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương, có thể thấy rằng việc tổ chức kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cả về nhận thức, kỹ thuật ghi nhận lẫn cơ chế quản lý. Để góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát chi phí, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, việc hoàn thiện hệ thống kế toán đối với các khoản chi phí môi trường và xã hội là yêu cầu cấp thiết. Dưới đây là một số nhóm giải pháp đề xuất:

4.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách và chuẩn mực kế toán liên quan

- Xây dựng chuẩn mực kế toán riêng về chi phí môi trường và xã hội: Bộ Tài chính cần sớm nghiên cứu và ban hành một bộ chuẩn mực hoặc hướng dẫn kế toán chuyên biệt liên quan đến việc ghi nhận, đo lường, phân loại, trình bày và công bố thông tin về chi phí môi trường và chi phí xã hội. Đây sẽ là căn cứ pháp lý quan trọng giúp các doanh nghiệp có cơ sở thống nhất trong việc hạch toán, đồng thời tăng cường tính minh bạch và so sánh của các báo cáo tài chính. Việc này cũng góp phần phù hợp hóa hệ thống kế toán Việt Nam với thông lệ quốc tế.

- Tích hợp kế toán chi phí môi trường - xã hội vào hệ thống kế toán doanh nghiệp: Cần có hướng dẫn cụ thể cho việc tích hợp các nội dung kế toán chi phí môi trường và xã hội vào hệ thống kế toán nội bộ, đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành có mức độ phát thải cao, tiêu thụ nhiều tài nguyên, hoặc có tác động xã hội lớn như: Hóa chất, dệt may, cao su, cơ khí, luyện kim,... nhằm đảm bảo ghi nhận đầy đủ và có hệ thống các chi phí phát sinh [8].

4.2. Nâng cao nhận thức và năng lực của kế toán viên

- Tổ chức đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kế toán: Các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, và cơ quan quản lý cần phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo chuyên đề cho đội ngũ kế toán về kế toán môi trường và xã hội, kết hợp với bồi dưỡng kiến thức liên quan đến phát triển bền vững, quản trị rủi ro môi trường - xã hội và các yêu cầu công bố thông tin phi tài chính hiện đại.

- Tăng cường tuyên truyền nội bộ trong doanh nghiệp: Cần thực hiện các chương trình truyền thông nội bộ, hội thảo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của ban lãnh đạo, các phòng ban chức năng và nhân viên kế toán về tầm quan trọng của việc ghi nhận, kiểm soát và báo cáo chi phí liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội, như một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.

4.3. Xây dựng hệ thống tài khoản và phân loại chi phí rõ ràng

- Thiết lập hệ thống tiểu khoản chi tiết: Trong khuôn khổ hệ thống tài khoản hiện hành như 627 (chi phí sản xuất chung), 641 (chi phí bán hàng), 642 (chi phí quản lý doanh nghiệp), cần bổ sung thêm các tiểu khoản chi tiết để tách riêng từng loại chi phí môi trường và xã hội, ví dụ: Chi phí xử lý nước thải, chất thải rắn, bảo hộ lao động, đào tạo an toàn lao động, hỗ trợ cộng đồng,... Việc phân loại rõ ràng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát, phân tích và lập báo cáo.

- Xây dựng hệ thống tài khoản phụ hoặc mã chi phí riêng: Đối với các doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp FDI có hệ thống kế toán hiện đại, có thể đề xuất thiết lập hệ thống tài khoản phụ hoặc mã hóa riêng trong phần mềm kế toán để theo dõi chi tiết hơn từng khoản chi phí môi trường và xã hội theo từng hoạt động cụ thể. Điều này giúp nâng cao hiệu quả quản trị và tăng khả năng truy xuất, minh bạch thông tin.

4.4. Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm kế toán quản trị

- Ứng dụng phần mềm kế toán quản trị tích hợp chi phí môi trường - xã hội: Doanh nghiệp nên đầu tư áp dụng các phần mềm kế toán quản trị hiện đại có khả năng tích hợp với hệ thống ERP hoặc phần mềm quản lý môi trường (EMS) để theo dõi, đo lường và ghi nhận tự động các khoản chi liên quan đến môi trường và xã hội

theo thời gian thực, giảm thiểu sai sót và tăng cường tính chính xác. Các công cụ như Power BI, Tableau, QlikView cho phép lập báo cáo trực quan tức thì. Các phần mềm như IBM Planning Analytics, Oracle Cloud EPM hoặc Sage Intacct tích hợp AI để dự đoán biến động chi phí theo mùa vụ; UiPath, Automation Anywhere được dùng để tự động hóa quy trình kế toán quản trị trong doanh nghiệp lớn,...

- Tăng cường sử dụng bảng điều khiển quản trị (dashboard): Các dashboard trực quan giúp ban lãnh đạo theo dõi được ngay tình hình phát sinh và biến động của các khoản chi phí môi trường - xã hội thông qua biểu đồ, chỉ số, báo cáo tổng hợp,... Từ đó, hỗ trợ đưa ra quyết định chiến lược nhanh chóng và phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

4.5. Tăng cường lập báo cáo và công bố thông tin chi phí môi trường - xã hội

- Lập báo cáo định kỳ về chi phí môi trường - xã hội: Các doanh nghiệp nên thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ về chi phí môi trường và chi phí xã hội, có thể lồng ghép trong báo cáo tài chính nội bộ, báo cáo quản trị hoặc báo cáo phát triển bền vững để phục vụ yêu cầu kiểm soát nội bộ cũng như đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

- Công bố thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế: Đối với doanh nghiệp niêm yết hoặc có ảnh hưởng lớn đến môi trường - xã hội, cần công bố các thông tin liên quan đến chi phí môi trường - xã hội theo các bộ tiêu chuẩn phổ biến như GRI (Global Reporting Initiative), ESG (Environmental - Social - Governance). Việc này không chỉ tăng tính minh bạch, mà còn góp phần nâng cao uy tín, thu hút nhà đầu tư và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

4.6. Tăng cường giám sát, kiểm tra và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện tốt

- Xây dựng tiêu chí đánh giá và giám sát: Cơ quan quản lý nhà nước cần ban hành các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ thực hiện kế toán chi phí môi trường và xã hội trong doanh nghiệp, kết hợp với các chương trình kiểm tra định kỳ hoặc thanh tra chuyên đề nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhà nước cần xây dựng cơ chế khen thưởng, hỗ trợ tài chính hoặc truyền thông tích cực đối với các doanh nghiệp thực hiện tốt việc ghi nhận, công bố và kiểm

soát chi phí môi trường - xã hội. Qua đó tạo động lực và hình thành ý thức tự nguyện trong cộng đồng doanh nghiệp, hướng đến mô hình kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững.

5. KẾT LUẬN

Việc nâng cao chất lượng kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương không chỉ góp phần đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, mà còn giúp doanh nghiệp khẳng định uy tín, nâng cao trách nhiệm xã hội và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Các giải pháp được đề xuất trong bài viết nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội sẽ hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện hiệu quả quản trị chi phí, minh bạch thông tin, và từng bước hướng đến mô hình phát triển xanh, bền vững và có trách nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Archie B Carroll (1991), *The Pyramid of Corporate Social Responsibility: Toward the Moral Management of Organizational Stakeholders*.
- [2]. Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Hà Nội.
- [3]. Burritt, R. & Schaltegger, S. (2014), *Accounting towards Sustainability in Production and Supply Chains*, British Accounting Review, Vol. 46, (2014), 327-343.
- [4]. Nguyễn Văn Công và Nguyễn Thị Vân Anh (2021), *Kế toán chi phí môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số 6/2021, tr. 45-49.
- [5]. Marc Orlitzky (2003), *Corporate Social and Financial Performance: A Meta-Analysis*.
- [6]. Gray, R. (2002), *The social accounting project and Accounting, Organizations and Society: Privileging engagement, imaginings, new accountings and pragmatism over critique?*, Accounting, Organizations and Society, Vol. 27, Issue 7, pp. 687-708.
- [7]. Trần Thị Thoa (2023), *Một số giải pháp thúc đẩy tại các doanh nghiệp FDI áp dụng kế toán trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam*, ISSN số 6.

AUTHOR INFORMATION

Dinh Thi Kim Thiet

Corresponding Author: duongkhanh2010@gmail.com

Sao Do University.

THẺ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thẻ lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Số 2 (89) 2025



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 2 (89)
2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.